

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TỔ CHỨC PHI CHÍNH PHỦ MỸ Ở VIỆT NAM TỪ NĂM 1995 ĐẾN NAY

VŨ THỊ THU GIANG*

1. TỔ CHỨC PHI CHÍNH PHỦ (NGO) VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC NGO MỸ Ở VIỆT NAM TRƯỚC 1995

Tổ chức phi chính phủ đã tồn tại hàng trăm năm trên thế giới dưới nhiều dạng khác nhau. NGO có tiền thân là các tổ chức từ thiện, hoạt động nhằm mục đích cứu trợ nhân đạo, giúp đỡ những người bất hạnh, gặp rủi ro trong cuộc sống, không phân biệt chính kiến và địa dư.

Trên thế giới hiện nay có rất nhiều khái niệm khác nhau về NGO. Hội đồng Kinh tế và Xã hội của Liên hợp quốc định nghĩa: "các NGO là bất cứ tổ chức quốc tế nào được lập ra không phải do một thoả thuận liên chính phủ quốc tế, nhưng NGO đó có thể bao gồm các tổ chức thành viên do chính phủ cử ra, với điều kiện thành viên đó không được can thiệp vào quyền tự do bày tỏ ý kiến của của tổ chức đó" (1).

Ngân hàng Thế giới định nghĩa: NGO là "các tổ chức tư nhân theo đuổi các hoạt động nhằm giảm những nỗi đau, thúc đẩy lợi ích của người nghèo, bảo vệ môi trường, cung cấp các dịch vụ xã hội cơ bản hoặc tiến hành các hoạt động phát triển cộng đồng" (2).

Ở Mỹ người ta thường gọi các tổ chức phi chính phủ là tổ chức tự nguyện tư nhân (PVO) hoặc tổ chức không vụ lợi (NPO).

Như vậy, không có một định nghĩa chung cho NGO. Nhưng tất cả các tổ chức được gọi là NGO thì đều có đặc điểm chung là: được thành lập một cách tự nguyện, hợp pháp, không thuộc bộ máy hành chính nhà nước, không phải do chính phủ lập nên và không nhằm mục đích lợi nhuận.

Nhiều nghiên cứu cho rằng các NGO ra đời và phát triển là để đáp ứng sự phát triển của các yếu tố kinh tế - xã hội và vai trò ngày càng giảm của nhà nước trong đời sống xã hội và quan hệ quốc tế. Những nhu cầu trong xã hội ngày một nhiều và phức tạp hơn, do đó nhà nước không thể đáp ứng được tất cả những nhu cầu đó. Các NGO đã ra đời nhằm đáp ứng những nhu cầu ấy. Trên bình diện quốc tế, con người ngày càng đứng trước nhiều vấn đề mang tính toàn cầu như: ô nhiễm môi trường, bùng nổ dân số, bệnh dịch, nghèo đói, ma tuý... Các NGO đã và đang có những đóng góp đáng kể cùng với các quốc gia và các tổ chức quốc tế giải quyết các vấn đề này.

Trong lĩnh vực kinh tế, với nguồn tài chính của mình, các NGO đã cung cấp viện trợ và hỗ trợ phát triển cho các quốc gia chậm và kém phát triển, góp phần quan trọng vào công cuộc xoá đói giảm nghèo và phát triển bền vững. NGO đóng vai trò quan trọng trong việc giúp các nước hội nhập vào cộng đồng thế giới thông qua việc

* Th.S. Viện Sử học

hỗ trợ phát triển kinh tế, tăng khả năng tiếp cận dịch vụ, tăng cường năng lực cho cán bộ địa phương... Những chương trình, dự án của các NGO giới thiệu và phát huy những phương pháp mới và kỹ thuật mới cho người nông dân nhằm giúp họ thoát nghèo nhưng vẫn đảm bảo điều kiện môi trường bền vững.

Trong lĩnh vực an sinh xã hội, các NGO hoạt động rất hiệu quả và có vai trò quan trọng trong công tác cứu trợ thiên tai, nạn nhân chiến tranh. Các NGO có đóng góp tích cực trong việc nâng cao dân trí, tăng cường bình đẳng giới, chống phân biệt chủng tộc, chống ô nhiễm môi trường, thu hẹp khoảng cách giữa các vùng, miền, bảo vệ động vật, bảo tồn văn hoá ở các nước đang và kém phát triển...

Các NGO ngày càng tham gia trực tiếp và có ảnh hưởng nhiều hơn đối với đời sống quốc tế. Ví dụ: các NGO đã thành công trong chiến dịch toàn cầu vận động cấm bom mìn và *Nghị định Kyoto* nhằm hạn chế sự nóng lên của trái đất. Những chiến dịch vận động của các NGO đã ép buộc các thể chế toàn cầu cắt giảm nợ cho các quốc gia nghèo. Hiệp định khung về kiểm soát thuốc lá (có hiệu lực từ tháng 2-2005) là kết quả đấu tranh của hơn 200 NGO trong suốt 3 năm

Vai trò của NGO ngày càng được cộng đồng quốc tế nhìn nhận và đánh giá cao. NGO được coi là những chủ thể tích cực thúc đẩy sự phát triển bền vững, khắc phục tình trạng nghèo khó và giải quyết các vấn đề toàn cầu trên phạm vi toàn thế giới. Với khả năng thích nghi nhanh và đáp ứng kịp thời trước những vấn đề mới nảy sinh, NGO đã trở thành một nhân tố quan trọng và không thể thiếu trong đời sống quốc tế.

Các NGO đã vào hoạt động ở Việt Nam từ nhiều thập kỷ qua, gắn liền với từng giai đoạn lịch sử cụ thể của Việt Nam.

Sự hình thành và phát triển của các NGO Mỹ gắn liền với những biến cố lịch sử, nguồn gốc văn hoá, cũng như cơ sở xã hội Mỹ. Xét về số lượng, tiềm lực và nội dung hoạt động, các NGO Mỹ vượt trội so với những NGO khác trên thế giới.

Ngay từ năm 1954 - khi Mỹ đưa quân vào miền Nam Việt Nam thì những NGO Mỹ đầu tiên đã vào hoạt động ở miền Nam Việt Nam. Điển hình cho các NGO Mỹ hoạt động ở miền Nam Việt Nam thời kỳ 1954-1975 là Dịch vụ Cứu trợ Công giáo (Catholic Relief Services (CRS), Hoàn cầu khải tượng (World Vision) và CARE. Cho đến cuối năm 1974, có 32 NGO của Mỹ hoạt động tại miền Nam Việt Nam (3). Sau khi miền Nam Việt Nam được giải phóng (30-4-1975), các NGO Mỹ đóng cửa văn phòng và rút hết nhân viên về nước.

Nhìn chung, trong giai đoạn từ 1954-1975, các NGO của Mỹ chỉ hoạt động ở miền Nam Việt Nam. Tuy nhiên, số lượng và ngân sách hoạt động của các NGO Mỹ thời kỳ này còn hạn chế. Số NGO Mỹ có ngân sách lớn như CRS và World Vision rất ít. Hoạt động của các NGO Mỹ chủ yếu tập trung vào viện trợ và cứu trợ nhân đạo cho các cộng đồng chịu ảnh hưởng của cuộc chiến tranh, dưới hình thức: viện trợ thuốc men, quần áo, lương thực và tài chính.

Ngày 15-5-1975, chính quyền Mỹ tuyên bố tiến hành chính sách cấm vận toàn diện đối với Việt Nam. Từ đó, các NGO Mỹ bị đạo luật "cấm quan hệ với kẻ thù" cản trở nên hầu như không có hoạt động gì tại Việt Nam.

Từ năm 1986, Việt Nam tiến hành đổi mới đất nước trong đó có đường lối đối

ngoại. Đối với Mỹ, Việt Nam chủ trương không đối đầu mà bàn bạc với Mỹ để giải quyết các vấn đề khúc mắc giữa hai nước, từng bước cải thiện quan hệ: “Chính phủ ta tiếp tục bàn bạc với Mỹ giải quyết các vấn đề nhân đạo do chiến tranh để lại và sẵn sàng cải thiện quan hệ với Mỹ vì lợi ích của hòa bình, ổn định ở Đông Nam Á” (4). Chính phủ Việt Nam cho phép một số NGO Mỹ vào Việt Nam chủ yếu để phối hợp tìm kiếm MIA và hoạt động nhân đạo, thúc đẩy giao lưu văn hóa - giáo dục. Có thể kể đến một số NGO Mỹ đã vào Việt Nam hoạt động từ thời điểm này như: Institute of International Education (IIE), International Mission of Hope (IMH),...

Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ VII (1991), tiếp tục triển khai đường lối đối ngoại rộng mở, đa dạng hóa, đa phương hóa. Cũng từ Đại hội VII, quan hệ với các Tổ chức phi Chính phủ (NGO) lần đầu tiên đã được đưa vào Văn kiện của Đảng Cộng sản Việt Nam: “Hợp tác với các tổ chức tài chính và tiền tệ quốc tế cũng như các tổ chức chuyên môn của Liên hợp quốc và các tổ chức phi chính phủ” (5). Như vậy, với đường lối đối ngoại rộng mở, đa dạng hoá, đa phương hoá quan hệ quốc tế, Việt Nam đã quan tâm tới quan hệ với các Tổ chức phi Chính phủ và coi đó là một kênh của hoạt động ngoại giao nhân dân. Cùng với những tiến triển tích cực trong quan hệ Việt - Mỹ, việc Việt Nam chú trọng và đẩy mạnh quan hệ với các NGO đã tạo điều kiện và là động lực thúc đẩy cho các NGO Mỹ quay trở lại hoạt động ở Việt Nam.

Ngày 30-4-1992, Chính phủ Mỹ bãi bỏ việc cấm xuất các mặt hàng phục vụ nhu cầu cơ bản của con người sang Việt Nam và các hạn chế đối với các NGO Mỹ giúp đỡ nhân đạo cho Việt Nam. Động thái này của Chính phủ Mỹ đã làm cho số lượng NGO

Mỹ vào hoạt động ở Việt Nam ngày càng nhiều.

Nhìn chung, trước năm 1995 các NGO Mỹ đã vào hoạt động ở Việt Nam, nhưng do quan hệ Mỹ - Việt chưa bình thường hóa nên số lượng các NGO Mỹ hoạt động ở Việt Nam không nhiều và lĩnh vực hoạt động cũng rất hạn chế, chủ yếu tập trung vào hoạt động nhân đạo, tìm kiếm MIA, hoặc trao đổi văn hóa, giáo dục.

II. HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC NGO MỸ Ở VIỆT NAM TỪ NĂM 1995 ĐẾN NAY

Ngày 11-7-1995, Tổng thống Mỹ B. Clinton tuyên bố bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Việt Nam. Việc hai nước Mỹ - Việt bình thường hóa quan hệ cùng với việc Việt Nam tiếp tục khẳng định chủ trương đẩy mạnh quan hệ với các NGO tại Đại hội Đảng VIII là tiền đề vô cùng quan trọng thúc đẩy các NGO Mỹ vào hoạt động ở Việt Nam. Đại hội Đảng VIII (1996) khẳng định: “Mở rộng quan hệ đối ngoại nhân dân, quan hệ với các tổ chức phi chính phủ, tranh thủ sự đồng tình ủng hộ rộng rãi của nhân dân các nước, góp phần thúc đẩy xu thế hòa bình, hợp tác và phát triển” (6). Đại hội IX (2001) chủ trương đẩy mạnh hơn nữa quan hệ với các NGO: “Mở rộng hơn nữa công tác đối ngoại nhân dân, tăng cường quan hệ song phương và đa phương với các tổ chức nhân dân các nước, nâng cao hiệu quả hợp tác với các Tổ chức phi Chính phủ quốc gia và quốc tế” (7).

Thực hiện chủ trương và chính sách của nhà nước Việt Nam về mở rộng quan hệ đối ngoại theo hướng đa dạng hóa, đa phương hóa. Tạo điều kiện cho các hoạt động của các NGO tại Việt Nam được tiến hành có hiệu quả, từ năm 1996, Nhà nước Việt Nam đã ban hành những văn bản quy phạm pháp luật:

Quyết định số 339/TTg ngày 24-5-1996 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ủy ban Công tác về các Tổ chức phi Chính phủ (COMINGO).

Quyết định số 340/TTg ngày 24-5-1996 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế về hoạt động của các Tổ chức phi Chính phủ nước ngoài tại Việt Nam.

Quy chế hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam (Ban hành kèm theo Quyết định số 340/TTg ngày 24-5-1996 của Thủ tướng Chính phủ)

Thông tư số 22/TT-BTC ngày 26-2-1999 của Bộ Tài chính về quản lý viện trợ không hoàn lại.

Quyết định số 64/TTg ngày 26-4-2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ phi Chính phủ nước ngoài.

Chỉ thị số 11/CT-TTg ngày 17-4-2002 của Thủ tướng Chính phủ về chấn chỉnh công tác quản lý, sử dụng viện trợ phi Chính phủ nước ngoài.

Các văn bản pháp quy trên đã tạo môi trường pháp lý thuận lợi cho hoạt động của các NGO nói chung, các NGO Mỹ nói riêng tại Việt Nam. Môi trường pháp lý thuận lợi ở Việt Nam cùng với việc bình thường hóa quan hệ hai nước Mỹ - Việt chính là động lực thúc đẩy các NGO Mỹ vào hoạt động ở Việt Nam ngày càng nhiều.

Từ năm 1995 đến nay, các NGO Mỹ vào hoạt động ở Việt Nam ngày càng gia tăng về số lượng cũng như giá trị viện trợ. Thời gian đầu, các NGO Mỹ chủ yếu triển khai hoạt động tại các thành phố lớn như: Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Đà Nẵng, Hải Phòng. Cùng với thời gian, các NGO Mỹ đã mở rộng phạm vi hoạt động ra các tỉnh thành khác của Việt Nam. Đến năm

2007, các NGO Mỹ đã triển khai các chương trình dự án của mình ở cả 64 tỉnh thành của Việt Nam. Tuy nhiên, hoạt động của các NGO Mỹ chủ yếu tập trung ở 3 vùng chính: châu thổ sông Hồng; khu vực miền trung (Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam); Thành phố Hồ Chí Minh và châu thổ sông Mêkông.

Hoạt động của các NGO Mỹ tại Việt Nam chủ yếu theo 3 nhóm sau:

1. Các NGO hoạt động trong lĩnh vực văn hóa - xã hội

Các NGO hoạt động trong lĩnh vực này ít khi triển khai trực tiếp các dự án viện trợ nhân đạo hoặc phát triển, mà chủ yếu hoạt động trong các lĩnh vực kiến trúc thượng tầng về chính trị, văn hóa, giáo dục, thúc đẩy các cải cách về thể chế và đào tạo - phát triển con người, thúc đẩy tư nhân hóa. Các NGO hoạt động trong lĩnh vực văn hóa - xã hội thường có ngân sách lớn. Điển hình cho các NGO hoạt động trong lĩnh vực này là: Quỹ Ford (The Ford Foundation), Viện Phát triển quốc tế Harvard (Harvard Institute for International Development), Center for Educational Exchange with Vietnam (CEEVN)...

Quỹ Ford là một trong những NGO Mỹ hoạt động nổi bật nhất tại Việt Nam. Quỹ Ford là một tổ chức từ thiện tư nhân, độc lập, phi lợi nhuận, phi chính trị và có trụ sở tại New York. Quỹ Ford được Henry Ford và con trai ông là Edsel Ford thành lập năm 1936 với mục đích: "thúc đẩy phúc lợi con người". Ban đầu Quỹ Ford hoạt động như một tổ chức từ thiện địa phương ở bang Michigan. Đến năm 1950, Quỹ Ford đã phát triển lên quy mô quốc gia và quốc tế. Năm 2001, tổng giá trị tài sản của Quỹ lên đến khoảng 11 tỷ USD và được coi là

một trong những quỹ từ thiện lớn nhất trên thế giới (8).

Quỹ Ford là nguồn viện trợ cho những người và viện làm công tác nghiên cứu đổi mới trên toàn thế giới. Mục tiêu của Quỹ là: tăng cường các giá trị dân chủ, giảm nghèo và bất công, thúc đẩy hợp tác quốc tế và phát huy thành tựu của nhân loại.

Ngay từ đầu những năm 90 của thế kỷ XX, Quỹ Ford đã bắt đầu tài trợ cho Việt Nam trong lĩnh vực hợp tác quốc tế từ văn phòng của Quỹ tại Băng Cốc (Thái Lan). Ngày 8-10-1996, Quỹ được cấp giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Hà Nội (Việt Nam). Từ năm 1997 đến 2005, Quỹ đã phê duyệt gần 500 dự án với tổng giá trị 63 triệu USD cho các tổ chức và cá nhân tại Việt Nam, cũng như cho các tổ chức nước ngoài hoạt động vì lợi ích của Việt Nam (9). Hoạt động tài trợ của Quỹ duy trì ở mức 7 triệu USD/năm. Từ năm 2006, Quỹ Ford tăng mức tài trợ cho các chương trình ở Việt Nam từ 7 triệu USD/năm lên 9 triệu USD/năm (10).

Hoạt động tài trợ của Quỹ Ford ở Việt Nam tập trung vào 5 lĩnh vực: Hợp tác quốc tế; Xóa đói giảm nghèo; Tình dục và Sức khỏe sinh sản; Giáo dục - Học thuật; Văn hoá - Nghệ thuật.

Trong lĩnh vực Hợp tác quốc tế, tài trợ của Quỹ nằm trong khuôn khổ Sáng kiến về đào tạo và tiếp cận quan hệ quốc tế. Mục tiêu tổng thể của Sáng kiến này là nhằm giúp các cơ quan Việt Nam tăng cường năng lực để đạt được những mục tiêu quốc gia về phát triển đồng đều về kinh tế và hợp tác khu vực và quốc tế. Tài trợ trong lĩnh vực này tập trung vào 3 hoạt động nhằm đáp ứng những yêu cầu ưu tiên mà các cán bộ lãnh đạo các cơ quan hoạch định chính sách đối ngoại Việt Nam đề ra là:

tăng cường năng lực đào tạo trong nước; bồi dưỡng nâng cao kiến thức và kỹ năng phân tích trong quan hệ hợp tác Quốc tế; đa dạng hoá các mối quan hệ với Hoa Kỳ. Chỉ tính từ năm 1994 đến 2002, đã có khoảng 1.220 chuyên viên đối ngoại của Việt Nam tham gia vào các khoá học ngắn hạn trong nước về ngoại giao đa phương, an ninh quốc tế, toàn cầu hóa và khu vực hóa, kinh tế và chính sách thương mại. Cũng trong thời gian này, gần 450 chuyên viên Việt Nam khác đã đi nước ngoài khảo sát, học ngoại ngữ, học lấy bằng Thạc sỹ, Tiến sỹ (11).

Trong lĩnh vực xoá đói giảm nghèo, Quỹ Ford tập trung tài trợ cho sáng kiến gây dựng tài sản và người nghèo ở vùng cao. Quỹ tập trung chú ý tới các chiến lược sản xuất ở vùng cao, các chương trình phân phối đất rừng đáp ứng các hoàn cảnh đa dạng của địa phương và các hệ thống tiếp thị có thể chuyển các hàng hóa và dịch vụ của vùng cao thành việc làm và tiền một cách hiệu quả. Sáng kiến này đã giúp những người nghèo và bị thiệt thòi tại vùng cao Việt Nam đạt được sự kiểm soát hữu ích đối với các tài sản môi trường, tăng năng suất và giá trị của tài sản đó.

Lĩnh vực tài trợ thứ 3 của Quỹ ở Việt Nam là Tình dục và Sức khỏe. Tài trợ cho lĩnh vực này, Quỹ Ford hướng tới các nhu cầu và quyền về sức khỏe sinh sản, tình dục. Đóng góp cho việc tạo ra, thực hiện và đánh giá các cách tiếp cận mới sáng tạo nhằm đáp ứng các nhu cầu và quyền về sức khỏe sinh sản và tình dục của các nhóm chưa được quan tâm đầy đủ và dễ bị mắc bệnh như thanh niên, người nghèo ở thành thị, những người sống với HIV/AIDS. Được sự tài trợ của Quỹ, Trung tâm nghiên cứu phát triển xã hội - một Tổ chức phi Chính phủ mới thành lập của Việt Nam đã thiết lập chương trình đào tạo và nghiên cứu

trọng tâm đầu tiên về tình dục tại Việt Nam. Trường Đại học Y tế Công cộng Hà Nội cũng đang sử dụng tài trợ của Quỹ để lồng ghép khoa học xã hội vào chương trình giảng dạy của trường, thiết lập một chương trình nghiên cứu khoa học xã hội và hoạt động về tình dục, sức khỏe sinh sản.

Văn hóa và nghệ thuật là lĩnh vực tài trợ thứ 4 của Quỹ. Quỹ Ford tài trợ thông qua "Sáng kiến về bản sắc văn hóa và quản lý nghệ thuật". Tài trợ của Quỹ được sử dụng để giúp các nghệ sĩ nghệ thuật tạo hình và nghệ thuật biểu diễn thể hiện các vấn đề về bản sắc và sự thay đổi trong xã hội Việt Nam. Gần đây, Quỹ đã tài trợ cho Trường Trung học Văn hoá Nghệ thuật Huế, cho một hội thảo và triển lãm phương tiện truyền thông mới tại Trung tâm Mỹ thuật đương đại Hà Nội.

Trong lĩnh vực Giáo dục và Học thuật, Quỹ Ford tài trợ cho "Sáng kiến tăng cường và đa dạng hóa các ngành khoa học xã hội". Hiện nay, Quỹ tài trợ cho khoảng 100 cơ quan (gồm: các Bộ, Vụ, Viện nghiên cứu) (12) ở Việt Nam. Hoạt động của Quỹ góp phần tạo ra một thế hệ mới các nhà nghiên cứu khoa học xã hội có sự hiểu biết, đồng cảm với cộng đồng địa phương và những nhóm người bị thiệt thòi.

Center for Educational Exchange with Vietnam (CEEVN) là thành viên liên kết của Hội đồng các Hội học thuật Mỹ. CEEVN được thành lập năm 1990 nhằm giúp Việt Nam tiếp cận với các nguồn lực và thông tin bên ngoài để phục vụ phát triển con người. Đối tác chính của CEEVN ở Việt Nam là Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia (nay là Viện khoa học Xã hội Việt Nam). Ngân sách hàng năm của CEEVN cho Việt Nam là 600.000USD (13).

CEEVN tổ chức các chuyến nghiên cứu tại Mỹ cho các đoàn cấp cao Việt Nam và các chương trình tham quan giúp cho những người tham quan có hiểu biết rộng lớn hơn về Mỹ. CEEVN cung cấp các học bổng thạc sỹ và nghiên cứu ở nước ngoài trong lĩnh vực nhân chủng học, xã hội học. Các học bổng cho nghiên cứu và đào tạo ngoại ngữ ở Indônêxia, Thái Lan, Mianma, Trung Quốc. CEEVN xác định các chương trình đào tạo ở Đông Nam Á và các nước khác phù hợp với Việt Nam. Các chương trình này do Quỹ Ford tài trợ cho CEEVN. Cuối năm 1998, CEEVN đã lập chương trình học bổng doanh nghiệp Mỹ nhằm động viên các công ty kinh doanh đóng góp các nguồn lực để mở rộng các cơ hội đào tạo trong các lĩnh vực khác cho nhiều công dân Việt Nam hơn. Ngoài các chương trình của mình, CEEVN còn giúp một số tổ chức của Việt Nam quản lý các học bổng đào tạo và các chương trình trao đổi ở nước ngoài. CEEVN quản lý việc tuyển chọn trong nước và đưa những người nhận học bổng đi theo Chương trình học bổng Fulbright - Chương trình này hàng năm đã gửi từ 20 - 25 nhà chuyên môn Việt Nam đi học ở Mỹ (bắt đầu từ năm 1993).

2. Các NGO có nguồn gốc tôn giáo

Là những NGO có liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến tôn giáo. Các NGO này hoạt động dưới hình thức viện trợ nhân đạo, viện trợ phát triển hoặc kết hợp cả hai hình thức này. Tiêu biểu cho các NGO thuộc nhóm này là: Tổ chức Dịch vụ Giáo hội Thế giới (Church World Service), Nhà thờ Thiên chúa giáo (Christian Church), Tổ chức Maryknoll (Maryknoll), Tổ chức Dịch vụ cứu trợ Thiên chúa giáo (Catholic Relief Services),...

Tổ chức Dịch vụ Giáo hội Thế giới (CWS) được thành lập năm 1946. CWS

hoạt động rộng rãi khắp thế giới với chức năng là cơ quan phát triển cứu trợ và tị nạn quốc tế ở nước ngoài của Hội đồng toàn quốc các giáo hội Mỹ. Theo các chính sách và điều lệ của tổ chức, CWS có thể tham gia vào các hoạt động từ thiện tình nguyện hay hỗ trợ phát triển ở nước ngoài (thay vì hoạt động tôn giáo), bao gồm: cứu trợ, phục hồi, giúp đỡ khi có thiên tai, hỗ trợ phát triển, phúc lợi xã hội, hỗ trợ chương trình và đào tạo, phối hợp để thực hiện các dịch vụ trên thuộc các lĩnh vực y tế, giáo dục, kế hoạch hóa dân số, dinh dưỡng, nông nghiệp, công nghiệp, môi trường, sinh thái, giúp đỡ người tị nạn, di cư, tái định cư...

Hoạt động của CWS tại Việt Nam hướng tới một chương trình có nhiều cộng đồng tham gia. Hình thức phát triển này tập trung xung quanh quá trình chú trọng người dân và sự nghiệp phát triển của người dân và cộng đồng. Ở Việt Nam, CWS thực hiện sự giúp đỡ thông qua các dự án thực hiện chủ yếu bởi các cơ quan cấp quận và cộng đồng. Chương trình này tập trung chủ yếu vào các lĩnh vực y tế và Giáo dục ở nông thôn. Ngân sách của CWS giành cho Việt Nam hàng năm là 200.000 USD (15). Hoạt động của CWS đã góp phần làm cho những người dân nghèo Việt Nam được hưởng những điều kiện về y tế và giáo dục ngày càng tốt hơn.

Tổ chức Dịch vụ cứu trợ Thiên chúa giáo (CRS) được các giám mục Thiên chúa giáo ở Mỹ thành lập năm 1943. CRS hỗ trợ những cá nhân và cộng đồng trên cơ sở của nhu cầu, không phân biệt tín ngưỡng, chủng tộc và quốc tịch.

Ở Việt Nam, CRS hỗ trợ cho các dự án do các địa phương khởi xướng trên các lĩnh vực như: giáo dục, nông nghiệp, giảm nhẹ thiên tai và phát triển doanh nghiệp nhỏ,

tập trung đào tạo và phát triển nguồn nhân lực. CRS hoạt động chủ yếu ở các tỉnh Bắc Trung Bộ của Việt Nam. Ngân sách CRS giành cho Việt Nam trung bình hàng năm khoảng 1.000.000 USD (16). Hoạt động của CRS ở Việt Nam đã góp phần đáp ứng nhu cầu cần thiết của người nghèo và người chịu thiệt thòi.

3. Các NGO hoạt động trong lĩnh vực từ thiện, nhân đạo, xóa đói giảm nghèo, phát triển bền vững, khắc phục hậu quả thiên tai, chiến tranh...

Các NGO loại này chiếm số đông trong tổng số các NGO của Mỹ hoạt động tại Việt Nam từ 1995 đến nay. Các NGO thuộc nhóm này có phạm vi hoạt động rộng rãi và đa dạng về loại hình dự án. Theo các tổng hợp và phân loại của Trung tâm dữ liệu các Tổ chức phi chính phủ (NGO Resource Centre) thì hoạt động của các NGO thuộc nhóm này thường tập trung vào những lĩnh vực: giáo dục, y tế, tài nguyên thiên nhiên, tăng thu nhập, phát triển con người và xã hội. Tiêu biểu cho các NGO thuộc nhóm này là: Orbis, Tổ chức Phẫu thuật Mỹ (Operation USA), Tổ chức tình nguyện của người Mỹ gốc Đông Dương (Indochinese-American Volunteer Organization), Tổ chức Mạng lưới toàn quốc của những nhà hoạt động toàn Đông Dương (National Network of Indochina Activists), Tổ chức Oxfam Mỹ (Oxfam America), Tổ chức dự án khôi phục Việt Nam của các cựu chiến binh (Veterans Viet Nam Restoration Project), Quỹ tưởng niệm những cựu chiến binh tại Việt Nam (Vietnam Veterans Memorial Fund),...

Orbis được thành lập ngày 1-3-1982 tại New York. Orbis có sứ mệnh chống mù loà tại các quốc gia đang phát triển, góp phần phục hồi thị lực cho hàng triệu người trên toàn thế giới.

Từ năm 1996, Orbis bắt đầu hợp tác với Việt Nam thông qua các chương trình tập huấn nhân khoa tại Bệnh viện Mắt Trung ương. Chiến lược hỗ trợ và hợp tác của Orbis tại Việt Nam phù hợp với Sáng kiến toàn cầu về phòng chống mù loà của Tổ chức y tế thế giới, phù hợp với chiến lược phòng chống mù lòa quốc gia của Việt Nam. Mục đích chính của Orbis tại Việt Nam là hỗ trợ các đối tác địa phương nâng cao năng lực chăm sóc mắt cho người dân.

Tháng 3-2001, Orbis chọn Phú Thọ là tỉnh thí điểm đầu tiên ở Việt Nam thực hiện "Dự án hỗ trợ phòng chống mù lòa", thời hạn kéo dài đến tháng 2-2006.

Được sự hỗ trợ của Orbis, Viện Mắt Trung ương và Hội bảo trợ bệnh nhân nghèo, Tỉnh Phú Thọ đã thực hiện xóa mù cho người nghèo. Lượng người được khám chuyên khoa và phẫu thuật thay thủy tinh thể nhân tạo ngày càng tăng. Dự án đã giúp rút ngắn thời gian giải phóng mù lòa cho nhân dân trong tỉnh Phú Thọ gấp 3-5 lần.

Dự án của Orbis hỗ trợ tỉnh Phú Thọ củng cố đào tạo mạng lưới cán bộ chuyên khoa mắt phù hợp với từng tuyến từ tỉnh, huyện, xã, y tế thôn bản; tập huấn cho các bác sĩ chuyên khoa mắt về phẫu thuật đục thủy tinh thể; tổ chức các chiến dịch mổ đục thủy tinh thể, quặm, mộng tại cộng đồng; tổ chức khám và điều trị tật khúc xạ cho trẻ em khối trường học; tổ chức các hoạt động truyền thông giáo dục sức khỏe nâng cao nhận thức cho người dân về chăm sóc mắt ban đầu; cung cấp trang, thiết bị chuyên ngành cho các tuyến. Ngoài ý định vươn tới xây dựng một trung tâm mắt vững mạnh tại Phú Thọ, Orbis muốn qua đó để rút kinh nghiệm, từ đó mở rộng phạm vi hoạt động giúp ngành mắt Việt Nam. Sau một thời gian thí điểm thành công ở Phú

Thọ, nhờ sự cộng tác tốt của địa phương, sự nỗ lực của tất cả các cán bộ tham gia chương trình, Orbis đã mở rộng chương trình ra các tỉnh khác như Hà Tây, Hà Nam, Viện Mắt Trung ương, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Nam Định, Thái Nguyên. Sự có mặt của Orbis tại Việt Nam hơn 10 năm qua đã góp phần đem lại ánh sáng cho hàng chục nghìn người mù, đặc biệt là người nghèo; hàng trăm bác sĩ, hàng nghìn y tá, hỗ trợ phẫu thuật đã được tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn. Năm 2006, Orbis tặng ngân sách cho Việt Nam từ 1 triệu USD trước đây lên hơn 2 triệu USD cho các hoạt động giúp phục hồi thị lực.

Ở Việt Nam, Orbis đã và đang thực hiện các dự án trên 4 lĩnh vực: Xây dựng các trung tâm nhãn khoa cấp vùng; chăm sóc mắt nông thôn; chăm sóc mắt trẻ em; hỗ trợ Việt Nam trong việc xây dựng Chương trình cấp quốc gia thực hiện sáng kiến thị giác 2020 - Quyền được nhìn thấy. Những hoạt động của Orbis tại Việt Nam đã mang lại nhiều hiệu quả và lợi ích thiết thực. Orbis đã mang lại nguồn sáng cho rất nhiều trẻ em và những người nông dân nghèo Việt Nam.

Quý tướng niệm các cựu chiến binh Mỹ tại Việt Nam (VVMF) được thành lập năm 1982. Ông Jan Scruggs là người sáng lập và là Chủ tịch của Quý. VVMF đã hoạt động rất tích cực trong công cuộc hàn gắn vết thương chiến tranh ở Việt Nam. Năm 2001, VVMF bắt đầu thực hiện Dự án Phục hồi môi trường và khắc phục hậu quả chiến tranh (RENEW) tại tỉnh Quảng Trị. RENEW là dự án phối hợp toàn diện đầu tiên tại Việt Nam với mục đích hỗ trợ giải quyết các vấn đề bom, mìn và vật liệu nổ dưới lòng đất. Dự án RENEW ngày càng tỏ ra có hiệu quả. Nhờ có chương trình giáo

dục về mìn sắt thương cùng những dự án giúp nâng cao thu nhập cho người dân, số lượng các vụ tai nạn do bom, mìn đã giảm đáng kể tại những khu vực nằm trong dự án. Các nhóm chuyên gia vật liệu nổ đã làm sạch một cách có hệ thống và phá hủy an toàn những vũ khí, khí tài nguy hiểm tại những địa điểm được xác định xung quanh nhà dân, dọc theo các tuyến đường chính và trong những cánh đồng. Với dự án RENEW phục hồi về môi trường và khắc phục hậu quả chiến tranh, VVMF đã giúp làm giảm thương vong do hậu quả của bom mìn còn sót lại ở tỉnh Quảng Trị và cả miền Trung Việt Nam khiến cho vùng này trở nên an toàn hơn. Nhờ sự tài trợ và hoạt động tích cực của những tổ chức phi chính phủ như VVMF mà hậu quả tàn khốc của chiến tranh, sự chết chóc do bom mìn, mối đe dọa tại miền Trung Việt Nam dần được giải quyết.

III. NHẬN XÉT CHUNG VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC NGO MỸ Ở VIỆT NAM

Nhìn chung, hoạt động của các NGO Mỹ ở Việt Nam trong thời gian từ 1995 đến 2007 có ý nghĩa thiết thực và góp phần quan trọng vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam. Viện trợ của các NGO Mỹ là không thể thiếu trong công cuộc phát triển của Việt Nam nói chung và xóa đói giảm nghèo, phát triển cộng đồng nói riêng. Hoạt động của các NGO Mỹ tại Việt Nam là một kênh quan trọng góp phần giúp Việt Nam tháo gỡ khó khăn trong giai đoạn xây dựng kinh tế và xóa đói giảm nghèo. Sự cứu trợ kịp thời của các NGO Mỹ cho các nạn nhân Việt Nam bị thiên tai hàng năm mang một ý nghĩa thiết thực. Ví dụ: năm 1999, các NGO Mỹ đã viện trợ khẩn cấp giúp 9 tỉnh bị bão lụt ở miền Trung (Việt Nam), góp phần giúp đỡ nhân

dân các tỉnh này nhanh chóng vượt qua khó khăn, sớm ổn định cuộc sống. Năm 2005, các NGO Mỹ đã trợ giúp kịp thời cho các địa phương của Việt Nam bị ảnh hưởng bởi cơn bão Damrey và thiên tai sụt lở đất tại các tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam. Viện trợ của các NGO Mỹ đã góp phần đáng kể vào công cuộc khắc phục hậu quả chiến tranh thông qua các chương trình dự án rà phá bom mìn, những vật liệu chưa nổ, hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng cho những nơi bị tàn phá nặng nề, hỗ trợ người tàn tật và tiếp cận vấn đề chất độc da cam.

Từ năm 1995 đến 2007, hoạt động của các NGO Mỹ đã có sự chuyển hướng rõ rệt từ viện trợ và cứu trợ nhân đạo sang các hoạt động hợp tác phát triển, đi sâu vào thực hiện các dự án xoá đói giảm nghèo và phát triển bền vững thông qua các chương trình dự án dài hơi và toàn diện hơn. Nhiều chương trình, dự án của các NGO Mỹ đã góp phần vào phát triển kinh tế - xã hội, giúp người dân tự lực đi lên. Nhiều NGO Mỹ cơ cấu lại chương trình trợ giúp của mình. Các NGO Mỹ chuyển từ quy mô hoạt động trải rộng ra nhiều địa bàn với các chương trình dự án đơn lẻ và ngắn hạn bằng cách đầu tư tập trung ở một số địa bàn nhất định để có thể tiến hành các chương trình - dự án dài hạn và toàn diện hơn nhằm đem lại những thay đổi tích cực trên mọi mặt của đời sống kinh tế - xã hội tại các địa phương được trợ giúp.

Những chương trình - dự án của các NGO Mỹ nhìn chung phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam. Hình thức viện trợ trực tiếp tới người hưởng lợi của các NGO Mỹ đã tăng cường được tính năng động và ý thức trách nhiệm của địa phương, giảm bớt các khâu trung gian và hạn chế được nhiều mặt tiêu cực về tài chính. Đối tượng tham gia hưởng

lợi từ các chương trình - dự án của NGO Mỹ rất phong phú, trong đó tập trung vào những người nghèo, đặc biệt là phụ nữ, trẻ em và những nhóm người chịu nhiều thiệt thòi trong xã hội. Hoạt động của các NGO Mỹ ở Việt Nam góp phần thúc đẩy sự phát triển của xã hội dân sự.

Một điểm mạnh nổi bật của các NGO Mỹ khi hoạt động ở Việt Nam là tính trao quyền và phân cấp rất rõ rệt trong khi thực hiện các chương trình dự án. Để có thể đẩy mạnh việc trao quyền, các NGO Mỹ đã chú trọng nhiều đến hoạt động xây dựng năng lực. Những đối tượng được nâng cao năng lực gồm các cán bộ nhân viên của các NGO, các đối tác từ trung ương đến địa phương và những người hưởng lợi. Việc trao quyền được tiến hành cùng quá trình xây dựng năng lực đã giúp các NGO Mỹ nâng cao được tính hiệu quả của các chương trình, dự án vì đã phát huy được sự chủ động, sáng tạo của các đối tượng khi tham gia vào các chu trình dự án. Việc trao quyền và phân cấp sẽ thúc đẩy tinh thần tự quản và tạo cơ sở vững chắc cho việc giảm dần tiến đến "rút lui" sự can thiệp của các NGO Mỹ tại các địa phương hưởng lợi khi quá trình hợp tác đã đủ tạo ra những thành quả bền vững và các địa phương có thể tự đứng vững trên đôi chân của mình.

Hoạt động của các NGO Mỹ ở Việt Nam góp phần thúc đẩy mối quan hệ Mỹ - Việt ngày càng phát triển. Một số NGO Mỹ tham gia ngày càng nhiều vào các dự án mang tính tuyên truyền về chính sách, bảo vệ quyền lợi của Việt Nam trong thương mại quốc tế. Một số NGO Mỹ đã đồng hành cùng nông dân và chính phủ Việt Nam trong các vụ Việt Nam bị kiện bán phá giá cá tra, cá basa và tôm đông lạnh vào thị trường Mỹ. Các NGO Mỹ đã đưa ra báo cáo với những bằng chứng xác thực nhất để

chứng minh người nuôi cá da trơn và tôm Việt Nam không bán phá giá những mặt hàng này vào thị trường Mỹ, đồng thời gửi những báo cáo này đến các tổ chức thương mại và các doanh nghiệp Mỹ. Một số NGO Mỹ tích cực tham gia các hoạt động vận động công chúng, các công ty và cơ quan công quyền của Mỹ phản đối việc một số bang, quận, hạt của Mỹ thông qua Nghị quyết treo cờ ba sọc, phản đối các "Dự luật nhân quyền Việt Nam" do những thế lực đối lập với Việt Nam dựng lên... Điển hình cho các NGO Mỹ có những hoạt động tích cực ủng hộ Việt Nam là tổ chức "Cựu chiến binh vì Hoà bình" (Veterans for Peace). VFP kiên quyết phản đối Nghị quyết SCR-17 của Nghị viện bang California về việc cho phép treo cờ "ba sọc" tại tiểu bang này. Ngày 6-8-2005 tại Dallas, Texas, Đại hội toàn quốc của VFP đã thông qua Nghị quyết phản đối Nghị quyết SCR-17.

Trong thời gian hoạt động tại Việt Nam từ 1995 đến 2007, các NGO Mỹ bên cạnh những đóng góp đáng ghi nhận vào quá trình xây dựng và phát triển đất nước Việt Nam thì những chương trình, dự án và phương thức hoạt động của họ vẫn còn có một số vấn đề tồn tại và gây nhiều tranh cãi.

Hiện nay, có khoảng 250 tổ chức phi chính phủ Mỹ đang hoạt động ở Việt Nam. Mặc dù các NGO Mỹ hoạt động tại Việt Nam với số lượng tương đối lớn, nhưng số tổ chức có ngân sách hàng năm cao từ 1 triệu đô trở lên (ví dụ: Quỹ Ford, Catholic Relief Services) không nhiều. Hầu hết các NGO Mỹ hoạt động tại Việt Nam có nguồn vốn không lớn, chỉ khoảng vài chục nghìn đô (ví dụ: International Crane Foundation: 20.000 USD/năm; Children of Vietnam: 40.000 USD/năm). Các NGO Mỹ đa phần mới chỉ hoạt động trọng phạm vi các

chương trình - dự án nhỏ hẹp và đơn lẻ, trong khi nhu cầu cần được giúp đỡ từ phía các địa phương nghèo còn rất nhiều và trên mọi mặt của đời sống. Vì vậy, mặc dù mong muốn những các NGO cũng không thể cùng một lúc đáp ứng được tất cả các nhu cầu của cộng đồng cần giúp đỡ.

Các NGO Mỹ mặc dù rất coi trọng tính bền vững của các chương trình - dự án mà mình tài trợ, song trên thực tế tính bền vững của các chương trình - dự án đó được đảm bảo hay không vẫn còn là một vấn đề gây tranh cãi. Các NGO khác nhau có cách đánh giá khác nhau về tính bền vững. Trên thực tế các NGO Mỹ chưa có cơ chế rõ ràng để giám sát và đánh giá tính bền vững sau khi các chương trình - dự án mà mình tài trợ kết thúc.

Bản chất của các NGO Mỹ cũng như các NGO quốc tế khác nhìn chung là không lệ thuộc vào chính phủ. Nhưng, trên thực tế nhiều NGO Mỹ đã nhận tài trợ từ chính phủ Mỹ hay các thiết chế tài chính quốc tế như Ngân hàng quốc tế (WB), Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF)... Chính phủ Mỹ là đối tượng tài trợ lớn nhất cho các NGO Mỹ. Chính phủ Mỹ rất quan tâm đến sự ra đời của các NGO Mỹ và hoạt động của các NGO Mỹ ở những nước đang phát triển. Chính phủ Mỹ muốn thông qua viện trợ để gây ảnh hưởng tới cộng đồng các NGO Mỹ và nhằm nặn mục tiêu của các NGO Mỹ cho phù hợp với chính sách và mục tiêu đối ngoại của mình. Mỹ thông qua các khoản tài trợ cho các NGO để đẩy mạnh đầu tư, hỗ trợ cho thành phần kinh tế tư nhân, đồng thời đặt điều kiện, gây sức ép buộc Việt Nam phải thay đổi luật lệ, cơ chế quản lý kinh tế nhằm đẩy nhanh quá trình tư nhân hoá, chuyển biến nền kinh tế Việt Nam theo hướng tư bản chủ nghĩa. Chiến lược An ninh quốc gia của Mỹ cho thế kỷ mới do

Nhà Trắng công bố tháng 1 năm 2000 đã công khai ý đồ này: "Các công ty tư nhân và các tổ chức phi chính phủ là những đồng minh tự nhiên trong các hoạt động và nỗ lực giải quyết các cuộc khủng hoảng nhân đạo, thúc đẩy dân chủ và kinh tế thị trường... do đó, chúng ta nên thúc đẩy những nỗ lực dân chủ hoá thông qua các nhóm tư nhân và các nhóm phi chính phủ cũng như các chính phủ nước ngoài" (17). Cựu Ngoại trưởng Mỹ Colin Powell trong *Hội nghị về chính sách Ngoại giao cho những người đứng đầu các tổ chức NGO của Mỹ* (ngày 26-10-2001) khẳng định: "Chính phủ Mỹ coi các NGO là một kênh thúc đẩy tự do, dân chủ và nhân quyền, thực hiện những giá trị Mỹ, chính sách và chiến lược của Mỹ ở bên ngoài" (18). Trên thực tế, nhiều NGO Mỹ do nhận tài trợ của Chính phủ Mỹ nên đã mất đi một phần tính độc lập của họ, đồng thời chịu sự tác động của Chính phủ lên các chương trình - dự án. Một số NGO Mỹ đã có những biểu hiện tiêu cực đối với những vấn đề an ninh, dân tộc và tôn giáo của Việt Nam.

Tiềm năng của các NGO Mỹ là rất lớn. Hiện nay, các NGO Mỹ được đánh giá "có vai trò không thua kém bất kỳ loại hình tổ chức nào khác trong xã hội Mỹ" (19). Năm 2004, có 1,6 triệu tổ chức phi lợi nhuận đăng ký chính thức ở Mỹ. Trong đó có hơn 71.000 Quỹ (Foundation). Theo thống kê của Trung tâm quỹ (Foundation Centre) ở San Francisco và số liệu của Quỹ châu Á thì năm 2006 người Mỹ đã đóng góp 295 tỷ USD cho các tổ chức từ thiện, nhân đạo. Con số này gấp nhiều lần so với thu nhập quốc dân hàng năm của nhiều nước đang phát triển. Cũng theo thống kê của Foundation Centre, năm 2005 có 25 Quỹ của Mỹ có tài sản trên 2 tỷ USD. Vì vậy, vấn đề đặt ra là Việt Nam đã tranh thủ

được bao nhiêu viện trợ của các tổ chức phi chính phủ Mỹ. Các tổ chức phi chính phủ Mỹ hoạt động ở Việt Nam là do họ “tự tìm đến” hay được chủ nhà “vận động đến”.

Hiện nay, Việt Nam có quan hệ, hợp tác với hơn 650 NGO nước ngoài, trong đó số NGO Mỹ khoảng 250 (20). Như vậy, nếu so sánh số NGO Mỹ đang hoạt động ở Việt Nam (250 NGO) trên tổng số NGO nước ngoài (650 NGO) thì số lượng NGO Mỹ chiếm tỷ lệ lớn, nhưng nếu so với con số NGO Mỹ hiện có (khoảng 1,6 triệu) thì số lượng NGO Mỹ hoạt động ở Việt Nam là quá khiêm tốn. Số NGO Mỹ hoạt động ở Việt Nam hiện nay phần nhiều là do họ “tự tìm đến”.

Trong bối cảnh quan hệ Mỹ - Việt đang phát triển tích cực, các NGO Mỹ có tiềm năng to lớn, công tác vận động viện trợ phi

chính phủ nước ngoài được Nhà nước và Chính phủ Việt Nam chú trọng quan tâm (Ngày 27-12-2006, Thủ tướng Chính phủ Việt Nam đã phê duyệt “Chương trình quốc gia xúc tiến vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài giai đoạn 2006-2010”) thì có thể khẳng định công tác vận động viện trợ của các NGO Mỹ đang trong thời điểm thuận lợi. Vấn đề đặt ra là các đối tác Việt Nam cần tích cực xúc tiến và chủ động hơn nữa trong việc tiếp cận các NGO Mỹ có nhiều tiềm năng để xây dựng quan hệ đối tác lâu dài. Chỉ có tích cực vận động mới thu hút được ngày càng nhiều NGO Mỹ đến Việt Nam hoạt động và viện trợ. Hy vọng rằng trong thời gian tới số lượng NGO Mỹ “được vận động đến” Việt Nam ngày càng nhiều và giá trị viện trợ mà các NGO Mỹ giành cho Việt Nam ngày càng lớn.

CHÚ THÍCH

(1). Howard L. Oleck & Martha E. Stewart. *Các hội, tổ chức và tập đoàn không vụ lợi*. Prentice-Hall, 1994, New Jersey, tr. 10.

(2). World Bank. *Operations Policy Department, Working with NGOs*. 1995, tr. 13.

(3). Nguyễn Văn Thanh (Chủ biên). *Tổ chức và hoạt động phi chính phủ nước ngoài ở Việt Nam*. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 84.

(4). Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*. Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1987, tr. 108.

(5). Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*. Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1991, tr. 90.

(6). Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*. Nxb Sự thật, Hà Nội, 1996, tr. 42.

(7). Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*. Nxb Sự thật, Hà Nội, 2001, tr. 44.

(8). Bộ Ngoại giao - Vụ các tổ chức quốc tế. *Các tổ chức quốc tế và Việt Nam*. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2005, tr. 241.

(9). *Quý Ford và chặng đường dài hiểu biết lẫn nhau*. Tạp chí Việt - Mỹ, số 09 (tháng 1-2/2006, tr. 9.

(10). *Quý Ford và chặng đường dài hiểu biết lẫn nhau*. Tạp chí Việt - Mỹ, số 09 (tháng 1-2/2006, tr. 9.

(11). Bộ Ngoại giao - Vụ các tổ chức quốc tế. *Các tổ chức quốc tế và Việt Nam*. Sđd, tr. 243.

(12). Bộ Ngoại giao - Vụ các tổ chức quốc tế. *Các tổ chức quốc tế và Việt Nam*. Sđd, tr. 245.

(Xem tiếp trang 48)